

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thanh

2. Ông Sơn Quan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kiều O, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A New Brunswick D, T. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2024, nguyên đơn bà Mai Thị Kiều O trình bày như sau:*

Do mai mối, bà và ông T kết hôn năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng được 6 tuần thì bà O

đi nước ngoài, ông T ở lại Việt Nam. Từ năm 2019 đến nay, bà O không còn liên lạc với ông T. Trong quá trình chung sống, bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 29/01/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của bà O về quan hệ hôn nhân; về con chung; về tài sản chung, nợ chung. Nay bà O yêu cầu ly hôn, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà O.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý ly hôn với bà O. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Kiều O với ông Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự đang sinh sống tại nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn bà Mai Thị Kiều O có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long ký cấp thì bà O và ông T đã đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2019, do đó, hôn nhân giữa bà O và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà Mai Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T khai sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 6 tuần thì bà O đi nước ngoài, sau đó vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nên đã ly thân và hiện nay bà O sống tại Hoa Kỳ, ông Nguyễn Văn T sống ở Việt Nam. Xét thấy, hôn nhân giữa bà O và ông T không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc, không yêu thương nhau. Do bà O và ông T vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà O, nên cho bà O được ly hôn với ông T là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Mai Thị Kiều O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Kiều O.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Mai Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015125 ngày 11/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Mai Thị Kiều O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản

án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H. TB; 01;
- Lưu: 05.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Tư